

Bản án số: **78/2026/DS-ST**

Ngày: 15-6-2026

V/v “Tranh chấp đòi tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Thi Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phạm Hùng

Bà Huỳnh Thị Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Xuân Lành – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2026/TLST-DS ngày 12/01/2026 về việc “Tranh chấp đòi tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1014/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1033/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Ngọc K**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: **Tổ D phường H, TP Đà Nẵng**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà **Vương Thị H**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: **K P, phường H, TP Đà Nẵng**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà **Trương Thị Ngọc K** trình bày như sau:**

Ngày 26/03/2024 bà **Vương Thị H**; CCCD số: 038186033214, trú tại **K P, phường H, TP** có mượn của bà **Trương Thị Ngọc K** số tiền vay trong thẻ tín dụng là 45,000,000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), bà **H** cam kết trả lãi là 3,000,000 đồng/tháng cho bà **K** (có giấy viết tay cam kết xác nhận chịu trách nhiệm). Tuy nhiên, bà **H** chỉ trả lãi được 02 tháng đầu là tháng 4 và tháng 5/2024. Sau đó thì

không chịu thực hiện như cam kết, rồi bỏ trốn. Bà **Trương Thị Ngọc K** đã nhiều lần liên hệ đòi tiền nhưng bà **H** cố tình trốn tránh.

Tại phiên tòa hôm nay, bà **Trương Thị Ngọc K** rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà **Vương Thị H** phải trả lại cho bà **K** toàn bộ số tiền đã mượn là 45.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 10%/năm tính từ ngày 12/8/2025 đến nay để bà **K** thanh toán lại cho Ngân hàng.

** Bị đơn bà **Vương Thị H** mặc dù đã được triệu tập hợp lệ tuy nhiên vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa nên không trình bày ý kiến cũng như không có văn bản trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự; Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 280; 282, 288, 357, 468 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trương Thị Ngọc K** về việc yêu cầu bị đơn bà **Vương Thị H** phải trả lại toàn bộ số tiền đã mượn là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/8/2025 (thời điểm bà **K** khởi kiện) cho đến ngày xét xử là 4.125.000đ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01 ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao "Hướng dẫn áp

dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân", đây là vụ án tranh chấp đòi tiền, bị đơn bà **Vương Thị H** có cư trú tại **K P, phường H, TP Đà Nẵng** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do đó căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà **Vương Thị H**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Trương Thị Ngọc K** về việc yêu cầu bà **Vương Thị H** trả cho bà số tiền đã mượn là 45.000.000đ, Hội đồng xét xử thấy:

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn bà **Trương Thị Ngọc K** cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: Một bản giấy mượn thẻ viết tay ghi ngày 26/3/2024, ký tên người mượn là **Vương Thị H**, nội dung cụ thể như sau: *...Nay ngày 26/3/2024, tôi có mượn c **K** thẻ trị giá 45 triệu đồng. Tôi sẽ hoàn thành số tiền vào thẻ đúng hạn khi chị **K** cần. Nếu sai tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm...*. Do đó, bà **K** đã căn cứ vào giấy mượn nói trên để yêu cầu Tòa án buộc bà **Vương Thị H** phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc đã mượn trong thẻ là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch dân sự giữa bà **Trương Thị Ngọc K** và bà **Vương Thị H** được thực hiện hoàn toàn tự nguyện, bởi các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự khi tham gia giao dịch. Bà **Vương Thị H** đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà **K** đã khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà **H** thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 280, 288 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Trương Thị Ngọc K** về việc yêu cầu bà **Vương Thị H** trả cho tiền lãi phát sinh, Hội đồng xét xử thấy:

Tại giấy mượn thẻ, giữa bà **H** và bà **K** không có thỏa thuận về lãi suất, hay cam kết nào thể hiện bà **H** có nghĩa vụ phải trả cho bà **K** toàn bộ số tiền phí, lãi đối với thẻ tín dụng do Ngân hàng quy định. Tại phiên tòa hôm nay, bà **K** thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX tuyên xử buộc bà **Vương Thị H** phải thanh toán lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm tính từ ngày 12/8/2025 (là thời điểm bà **K** khởi kiện) đến ngày xét xử hôm nay 15/6/2026 là 10 tháng 03 ngày, buộc bà **H** phải trả cho bà **K** số tiền lãi là 4.125.000đ. Xét yêu cầu của bà **K** phù hợp với quy định tại Điều 468 BLDS, do đó HĐXX chấp nhận.

Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định bà **Vương Thị H** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Trương Thị Ngọc K**, xử buộc bà **Vương Thị H** phải thanh toán cho bà **Trương Thị Ngọc K** tổng số tiền 49.125.000 đồng (Bốn mươi chín triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng), trong đó tiền gốc là 45.000.000đ, tiền lãi là 4.125.000đ là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Bị đơn - bà **Vương Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.456.250 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 274, 275, 280, 375, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của **ủy ban thường vụ Q** quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trương Thị Ngọc K** đối với bị đơn bà **Vương Thị H**.

Buộc bà **Vương Thị H** phải trả lại cho bà **Trương Thị Ngọc K** tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/6/2026 là: 49.125.000 đồng (Bốn mươi chín triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng), trong đó tiền gốc là 45.000.000đ, tiền lãi là 4.125.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Vương Thị H** phải chịu là 2.456.250 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả cho bà **Trương Thị Ngọc K** số tiền tạm ứng án phí 1.403.900 đồng (Một triệu bốn trăm lẻ ba ngàn chín trăm đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0007395 ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 - ĐN;
- TAND TP Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 4 - ĐN;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nguyễn Thi Thi